TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27-11-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết.

Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Kim Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 27 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 1) xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 718/2025/TLST-HNGĐ ngày 20/11/2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 262/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đoàn Hoàng V, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp X, xã Đ, tỉnh Cà Mau. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1988; địa chỉ: Số A, khu phố Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 10 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đoàn Hoàng V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đoàn Hoàng V và bà Nguyễn Thị M tìm hiểu, sau đó tiến đến hôn nhân chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 49/2011; Quyển số 02/2010 ngày 18/4/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống.

Nay ông V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông V yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà M.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Đoàn Nguyễn Lâm K, sinh ngày 27/4/2011; cháu Đoàn Nguyễn Huyền T, sinh ngày 14/11/2012. Khi ly hôn ông Đoàn Hoàng V yêu cầu giao cháu Đoàn Nguyễn Huyền T cho bà Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Đ Nguyễn Lâm K cho ông Đoàn Hoàng V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đoàn Hoàng V và bà Nguyễn Thị M không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai bà Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà M thống nhất với lời trình bày của ông V về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống, đăng ký kết hôn. Bà M cũng thống nhất về mâu thuẫn phát sinh trong quá trình sống chung của vợ chồng và xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với ông V.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đoàn Nguyễn Lâm K, sinh ngày 27/4/2011; cháu Đoàn Nguyễn Huyền T, sinh ngày 14/11/2012. Khi ly hôn ông Đoàn Hoàng V yêu cầu giao cháu Đoàn Nguyễn Huyền T cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Đ Nguyễn Lâm K cho ông Đoàn Hoàng V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì bà đồng ý.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đoàn Hoàng V và bà Nguyễn Thị M không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông V khởi kiện bà M yêu cầu ly hôn, bà M hiện đang sinh sống tại địa chỉ: Số A, khu phố Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Nguyên đơn ông Đoàn Hoàng V; bị đơn bà Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đoàn Hoàng V; bị đơn bà Nguyễn Thị M tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 49/2011; Quyển số 02/2010 ngày 18/4/2011 là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng ông V xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, hay cãi vã, sống không hạnh phúc nên ông V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà M và được bà M đồng ý.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà M không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được,

Tòa án đã triệu tập bà M tham gia hòa giải để vợ chồng trở về đoàn tụ, nhưng bà M vắng mặt thể hiện thái độ không muốn hòa giải. Mặt khác, vợ chồng đã sống ly thân, ông V cương quyết yêu cầu ly hôn và không đồng ý đoàn tụ với bà M và được bà M đồng ý. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông V về việc ly hôn với bà M.

[3.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Đoàn Nguyễn Lâm K, sinh ngày 27/4/2011; cháu Đoàn Nguyễn Huyền T, sinh ngày 14/11/2012. Khi ly hôn ông Đoàn Hoàng V yêu cầu giao cháu Đoàn Nguyễn Huyền T cho và Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Đ Nguyễn Lâm K cho ông Đoàn Hoàng V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì được bà M đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông V không yêu cầu bà M phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đ Nguyễn Lâm K; bà M không yêu cầu ông V phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đoàn Nguyễn Huyền T là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 28, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273, 316, 317, 320 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Hoàng V về việc ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị M.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đoàn Hoàng V được ly hôn với bà Nguyễn Thị M.

Về con chung: Ông Đoàn Hoàng V giao con chung Đoàn Nguyễn Huyền T, sinh ngày 14/11/2012 cho bà Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Nguyễn Thị M giao con chung Đoàn Nguyễn Lâm K, sinh ngày 27/4/2011 cho ông Đoàn Hoàng V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông Đoàn Hoàng V và bà Nguyễn Thị M không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con

của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: Ông Đoàn Hoàng V phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0036518 ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Hoàn trả cho ông Đoàn Hoàng V 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn) còn lại.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi thời hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND khu vực 16,Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Bạch Tuyết